

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+CTK3+BK4	7:25	11+10+0	0+0+0		3+13+5	0+0+0	
2		BK9+P5	7:25	15+6	0+0		5+17	0+0	
3		IDUN	7:25	20	0		21	0	
4		BK14	9:25	21	0		21	0	
5		CNV+TD1+MRM	9:25	10+0+10	0+0+0		7+1+11	0+0+0	
6		BK20+P2+CLI	9:25	8+0+13	0+0+0		1+5+16	0+0+0	chuyen 8 bk20-p2
7		CLI+BK9	11:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
8		CTK3+P4+P5	11:25	17+5+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 1 ctk3-p4
9		CTK3+IDUN	11:25	7+13	0+0		1+20	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Bk9-3ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK20 - CTK3 - BK4	CREW: TTRUNG - QVIỆT - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3639	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KONOVALOV VLADIMIR	BK20	69	1	4	2	40	87	D-HANH	Russian
2	SAISPAEV EVGENII	BK20	68	1	5			98	D-HANH	Russian
3	IALUKOV IVAN	BK20						109	D-HANH	Russian
4	NIKOLAENKO SERGEI	BK20						84	D-HANH	Russian
5	ULIAEV RUFAT	BK20	65-67	3	12			85	D-HANH	Russian
6	SKOROBOGATKO IAN	BK20	70-71	2	7			100	D-HANH	Russian
7	LÊ VĂN LÂM	BK20	65-66	2	14			71	KH-THAC	Vietnamese
8	GALLIAMOV ILDAR	BK20	67	1	3			71	KH-THAC	Russian
9	KARAMARENKO V.V.	BK20	68	1	4			68	KH-THAC	Russian
10	PHẠM CÔNG DUY	BK20	64	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	63	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	05	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	12	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN DÂN	CTK3	13-14	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HẢI	CTK3	06-07	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
16	BÙI KHẮC PHONG	CTK3	08	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	03-04	2	11			75	YTE	Vietnamese
18	CÙ XUÂN HUY	CTK3	02	1	8			61	HVJOC	Vietnamese
19	PHẠM TUẤN ANH	CTK3	01	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG LÂM	CTK3	10-11	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ MINH GIANG	CTK3	09	1	4	2	30	73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	11	916	13	60	2	40	3		
2	CTK3	10	716	14	88	2	30	13		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.632	27	148	4	70	21		
WEIGHT KG			1.632		148		70			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
NGUYỄN QUANG VIỆT



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK9 - P5	CREW: LINH - XTRƯỜNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3642		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ VĂN MẠNH	BK9				1	11	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ HỮU HUY TÚ	BK9						76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG TRÌNH	BK9						73	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN KHA KHA	BK9	63	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	66	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	65	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK9	67	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HUY	BK9	51	1	12			80	XAYLAP	Vietnamese
9	QUẢN VĂN KHANH	BK9	55-56	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ SƠN	BK9	59-60	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG TÔ HIỆU	BK9	57	1	15	1	10	76	XAYLAP	Vietnamese
12	BÙI CÔNG HÙNG	BK9	61-62	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI VÕ TRƯỜNG GIANG	BK9	53-54	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HONG THANH	BK9	52	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN TIẾN CUỒNG	BK9	64	1	5			57	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ANH KHOA	P5	48	1	14	1	9	88	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	P5	47	1	12			68	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM HẢI	P5	42-43	2	17			84	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P5	40-41	2	20			56	DVL	Vietnamese
20	VŨ ANH TRỌNG	P5	39	1	11			68	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P5	44	1	13	2	54	71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	15	1.098	16	146	2	21	5		
2	P5	6	435	8	87	3	63	17		
TOTAL		21	1.533	24	233	5	84	22		
WEIGHT KG			1.533		233		84			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
HÀ XUÂN TRƯỜNG

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK14	CREW: TTRUNG - QVIỆT - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3640	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN KHANG	BK14	62-63	2	6			78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC CUỒNG	BK14						85	KH-THAC	Vietnamese
3	LẠI ANH TUẤN	BK14	75	1	16			102	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG LINH	BK14	69	1	10	3	54	82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN DUY KHANH	BK14	67-68	2	19	2	35	77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	BK14	59	1	14			90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LÂM	BK14	53	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGUYỄN GIA KÍNH	BK14	60	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
9	CHÂU HÙNG HUY	BK14	52	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	73	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	BK14	54	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUỜNG	BK14	64	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH SÂM	BK14	61	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRỌNG NGHĨA	BK14	51	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH TUẤN (21426)	BK14	55-56	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUỜNG	BK14	57-58	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ KIM NGHIỆP	BK14	70	1	15	2	20	82	CODIEN	Vietnamese
18	HŨA HÙNG SƠN	BK14	65-66	2	20			72	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ CÔNG CHÍNH	BK14	81	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN MINH TAM	BK14	85	1	7			68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH TÙNG	BK14	79-80	2	20	3	36	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	21	1.600	26	213	10	145	21		
TOTAL		21	1.600	26	213	10	145	21		
WEIGHT KG			1.600		213		145			

GRAND TOAL: 1.958 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

NGUYỄN QUANG VIỆT





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: IDUN	CREW: NAM - VTHẮNG - THÀNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3645	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN ANH DUC	IDUN	03-04	2	7			56	DMC-MI	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ DUY	IDUN	27-28	2	14			70	PVD LOGGING	Vietnamese
3	KAMALAT PROMRATRAK	IDUN	13	1	8			90	BORR	Thailand
4	JAISON CHIRYAN GEORGE	IDUN	21	1	8	2	40	105	CES	Indian
5	OILVER COLLIN RODRIGUES	IDUN	20	1	12			77	CES	Indian
6	ABDON ROMAN AITOLYA	IDUN	14-15	2	15			104	CES	Indian
7	HARIDWAR SINGH	IDUN	24-25	2	21			90	CES	Indian
8	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	IDUN	01-02	2	21			77	PVD OFFSHORE	Vietnamese
9	AMIT KULKARNI	IDUN	22-23	2	16			96	ABL VIETNAM	Indian
10	MOHD KHAIRILNIZAM BIN MOHD ARI	IDUN	29	1	15	1	12	66	VIASAT	Malaysian
11	PHẠM ĐỨC HÙNG	IDUN	16-17	2	14			79	PVD OFFSHORE	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN VŨ	IDUN	09-10	2	14			68	PVD OFFSHORE	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	IDUN	07	1	11			89	PVD OFFSHORE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUYẾN	IDUN	08	1	9			70	PVD OFFSHORE	Vietnamese
15	CAO MINH CHIÊU	IDUN	11	1	12			76	PVD OFFSHORE	Vietnamese
16	HUỖNH CÔNG ĐĂNG	IDUN	12	1	9			89	PVD OFFSHORE	Vietnamese
17	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	IDUN	05-06	2	12			67	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TỊNH	IDUN	26	1	6			82	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN TÙNG	IDUN	18	1	6			60	PSV	Vietnamese
20	RAKESH PRASAD PHONDANI	IDUN	19	1	12			84	CES	Indian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	IDUN	20	1.595	29	242	3	52	21		
TOTAL		20	1.595	29	242	3	52	21		
WEIGHT KG			1.595		242		52			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: CNV - TD1 - MRM	CREW: LINH - XTRƯỜNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3643	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	81	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI VĂN THÁI	CNV	89-90	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG TRỌNG VỌ	CNV	91	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	87	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HẢO	CNV	88	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	86	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MINH	CNV	76-77	2	17			83	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG THÁI	CNV	78-80	3	17			70	T-TIN	Vietnamese
9	BÙI ĐỨC HẬU	CNV	82	1	8	2	24	65	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG ĐIỂN	CNV	75	1	5	5	100	67	PSV	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIẾU	MRM	43	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
12	EREMEEV EVGHENII	MRM	48	1	16			97	KHOAN	Russian
13	NGÔ TRÍ HOÀNG	MRM	52-53	2	20			73	DVL	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG NAM	MRM	51	1	9			57	DVL	Vietnamese
15	LÊ HOÀI THIÊN	MRM	44	1	15			76	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC LONG	MRM	45	1	17			68	DVL	Vietnamese
17	SYCHEV VALERII	MRM	46	1	15	1	12	95	AMHIP	Russian
18	BOIKO ANATOLII	MRM	50	1	11			77	AMHIP	Russian
19	KURSHEV SERGEI	MRM	49	1	9			74	AMHIP	Russian
20	NGUYỄN ĐỨC ANH	MRM	54	1	5			64	AMHIP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CNV	10	699	14	85	7	124	7		
2	TD1	0	0	0	0	2	25	3		
3	MRM	10	755	11	127	1	12	11		
TOTAL		20	1.454	25	212	10	161	21		
WEIGHT KG			1.454		212		161			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
HÀ XUÂN TRƯỜNG

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK20 - P2 - CLI	CREW: NAM - VTHẮNG - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/3646	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	BK20	76,78	2	18			85	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG ĐÌNH QUANG	BK20	77	1	14			82	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VIỆT HUÂN	BK20	79	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH TÙNG	BK20	80	1	15			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	BK20	73	1	14	1	11	64	T-TIN	Vietnamese
6	HOÀNG VIỆT ANH	BK20	75	1	7			68	PSV	Vietnamese
7	VU TRUONG GIANG	BK20	82,12	2	15	2	8	68	DVL	Vietnamese
8	DOAN MINH DAT	BK20	69-70	2	17			80	DVL	Vietnamese
9	FEDORCHENKO V.	CLI	41	1	18	1	6	63	KH-THAC	Russian
10	KARPENKO B.	CLI	43-44	2	14			79	KH-THAC	Russian
11	BÙI VIỆT PHƯƠNG	CLI	29	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	30	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH LÊ TUẤN	CLI	31	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TIỀN	CLI	38	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH LỰC	CLI	40	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ BÁ TRÌNH	CLI	34-35	2	10			79	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TUẤN LINH	CLI	37	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THÂM	CLI	39	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	36	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	32-33	2	6			74	KH-THAC	Vietnamese
21	LE TIEN OANH	CLI	28	1	10			66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	8	584	11	112	3	19	1	8	CHUYEN 8 PAX BK20- P2
2	P2	0	0	0	0	1	18	5		
3	CLI	13	948	16	112	1	6	16		
TOTAL		21	1.532	27	224	5	43	22		
WEIGHT KG			1.532		224		43			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH 3	TO: CLI - BK9	CREW: XHOÀN - NPHÚ - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/3641	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN QUANG	CLI	73	1	8			72	MERMAID	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC MINH	CLI	02-03,99	3	26			67	MERMAID	Vietnamese
3	VŨ XUÂN THƯỜNG	CLI	01,04	2	6			58	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỮU HÀ	CLI	77	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HÙNG	CLI	76	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	38	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	37	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
8	BÙI MINH QUÂN	CLI	79	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤN HẬU	CLI						64	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	78	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG NAM	CLI	39-40	2	17			73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH THẾ ANH	CLI						77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG MINH	CLI	80	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HÙNG	CLI	74	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ THANH QUANG	CLI	41	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TÀI	CLI						70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH HẢI	CLI	72	1	20			81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TUÂN	CLI	60,81	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DƯ	CLI	103	1	9			67	PSV	Vietnamese
20	HOANG TUAN DAT	CLI	75	1	8			74	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DINH CONG	BK9	69-70	2	20	1	20	81	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC QUANG	BK9	71	1	17			58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	20	1.429	22	169	0	0	17		
2	BK9	2	139	3	37	1	20	5		
TOTAL		22	1.568	25	206	1	20	22		
WEIGHT KG			1.568		206		20			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

DO XUAN HOAN

DAO NGOC PHU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8420	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: CTK3 - P4 - P5	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/3644	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	CTK3	49	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	50	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	62	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	52	1	4	4	60	68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THUẬN	CTK3	58	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	56	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	HO SY CUONG	CTK3	59	1	15			83	BIENDONG	Vietnamese
8	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	57	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN (22126)	CTK3	47	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	46	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRUNG KIÊN	CTK3	55	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUANG THÁI	CTK3	53-54	2	14			86	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN TUNG	CTK3	60-61	2	17			79	BIENDONG	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3						84	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	48	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠN QUẾ	CTK3	44	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN NHẠC	CTK3	45	1	11			74	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MINH	P4	01,13	2	11			75	KHI	Vietnamese
19	LÊ VŨ LỰC	P4	09-10	2	12			73	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH VI QUÂN	P4	07-08	2	15			64	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	P4	05-06	2	17			60	KHI	Vietnamese
22	PHẠM DUY PHƯƠNG	P4	11-12	2	20			52	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.272	18	119	4	60	14	41	CHUYEN 1 PAX CTK3-P4
2	P4	5	324	10	75	0	0	0		
3	P5	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.596	28	194	4	60	22		
WEIGHT KG			1.596		194		60			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 12/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: CTK3 - IDUN	CREW: DƯƠNG - MTHAO - THỤ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM26/3647		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU CONG KHANG	CTK3	05	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH DUONG	CTK3	10	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN LỘC	CTK3	24,33	2	15			66	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN HUU TU	CTK3	11,27	2	14			88	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VAN CHAU	CTK3	08-09	2	18	1	6	65	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYEN TAT LOC	CTK3	04	1	4			58	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU BẢO	CTK3	14	1	10			68	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
8	PORUS NOSHIR PATRAWALA	IDUN	36-37	2	15	1	15	85	CES	Indian
9	MOHAMMAD ANSAR KHAN	IDUN	38	1	17			85	CES	Indian
10	SHINE THOMAS	IDUN	35	1	11			74	CES	Indian
11	ASAD KHAN	IDUN	39	1	12			75	CES	Indian
12	NGUYỄN THẠC NGHĨA	IDUN	45	1	7			66	PVD OFFSHORE	Vietnamese
13	VŨ QUANG TRUNG	IDUN	41-42	2	9			65	PVD OFFSHORE	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG VŨ	IDUN	40	1	5			53	PVD OFFSHORE	Vietnamese
15	TRẦN BÌNH Y KHOA	IDUN	48	1	11			50	PVD OFFSHORE	Vietnamese
16	HOÀNG ANH ĐẠT	IDUN	46	1	7			92	PSV	Vietnamese
17	HUỲNH QUỐC KHÁNH	IDUN	47	1	5			94	PSV	Vietnamese
18	HÀ VĂN THUẬN	IDUN	44	1	5			58	PSV	Vietnamese
19	WONG KIEW LEONG	IDUN	33-34	2	14			114	BORR	Malaysian
20	NGUYỄN TRUNG KIÊN	IDUN	43	1	11			96	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	7	473	10	69	1	6	1		
2	IDUN	13	1.007	16	129	1	15	20		
TOTAL		20	1.480	26	198	2	21	21		
WEIGHT KG			1.480		198		21			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO

